

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 03/2022/TLST-KDTM ngày 03 tháng 03 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng N (Viết tắt là A);

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Tổng giám đốc A;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thái T – Giám đốc A Chính nhánh Bắc Thanh Hóa.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông Trương Văn Đ – Phó giám đốc A Chính nhánh Bắc Thanh Hóa.

(Theo giấy ủy quyền số 2422/NHNo.BTH-TH ngày 09/12/2021).

- **Bị đơn:** Ông Viên Đình H – sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

**- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Phạm Thị L - sinh năm 1978;

2. Ông Viên Đình B – sinh năm 1975;

3. Bà Hoàng Thị H – sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Viên Đình B: Bà Hoàng Thị H (Theo giấy ủy quyền ngày 18/5/2022).

4. Ông Viên Đình Huỳnh Đức – sinh năm 1997;

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Viên Đình Huỳnh Đức: Ông Viên Đình H (Theo giấy ủy quyền ngày 18/5/2022).*

5. Bà Phạm Thị Đốc – sinh năm 1959;

6. Ông Cao Văn Tiêu – sinh năm 1960 (đã chết);

*Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Tiêu:*

- Bà Phạm Thị Đ – sinh năm 1959;

- Bà Cao Thị L – sinh năm 1984;

- Bà Cao Thị P – sinh năm 1986;

- Ông Cao Văn V - sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Khu phố T, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

*Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của bà Đ, bà L, bà P: Ông Cao Văn V (Theo các giấy ủy quyền ngày 18/5/2022).*

## **2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Tính đến ngày 26/8/2022, ông Viên Đình H, bà Phạm Thị L còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng số: 3500-LAV-201500943 ngày 05/6/2015; 3590-LAV-201801671 ngày 06/6/2018; 3590-LAV-202101500 ngày 26/5/2021 là: 9.951.804.590đ (Chín tỷ chín trăm năm mươi một triệu tám trăm linh bốn nghìn năm trăm chín mươi đồng). Gồm: 7.987.500.000đ tiền nợ gốc; 1.804.233.107đ tiền nợ lãi trong hạn; 160.071.483đ nợ lãi quá hạn.

Ông H, bà L thanh toán cho A toàn bộ số tiền nợ trên theo lộ trình như sau:

- Đợt 1: Chậm nhất đến ngày 30/9/2022 thanh toán: 2.217.500.000đ nợ gốc và 251.980.539đ nợ lãi và lãi phát sinh kể từ ngày 25/8/2022 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc của HĐTD số 3590-LAV-201801671 ngày 06/6/2018; 3590-LAV-202101500 ngày 26/5/202.

- Đợt 2: Từ ngày 30/9/2022 đến ngày 31/12/2023 thanh toán mỗi tháng 25.000.000đ, chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng (tổng số tiền phải thanh toán của đợt 2 là: 400.000.000đ).

- Đợt 3: Từ ngày 30/01/2024 đến ngày 31/12/2024 thanh toán mỗi tháng 35.000.000đ, chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng. (Tổng số tiền phải thanh toán của đợt 3 là: 420.000.000đ).

- Đợt 4: Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025 thanh toán mỗi tháng 50.000.000đ, chậm nhất vào ngày cuối cùng của tháng. (Tổng số tiền phải thanh toán của đợt 4 là: 600.000.000đ).

- Đợt 5: Chậm nhất đến ngày 25/5/2026 thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi còn lại là: 6.051.544.051đ. Trong đó: 4.350.000.000đ nợ gốc và 1.701.544.051đ nợ lãi.

Ông H, bà L tiếp tục chịu lãi phát sinh kể từ ngày 25/8/2022 cho đến khi

thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc của HĐTD số 3500-LAV-201500943 ngày 05/6/2015 cho ngân hàng.

Trong trường hợp ông H, bà L vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào theo thỏa thuận cam kết trả nợ trên thì A có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là:

(1) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 332375 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 22/10/2009 mang tên Viên Đình H, Phạm Thị L tại thửa đất số 119, tờ bản đồ số 12. Địa chỉ: Khu phố Thành Thắng, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 3590/186/04/2017 ký ngày 17/4/2017 và phụ lục kèm theo.

(2) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 645150 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 01/12/2014 mang tên Viên Đình B, Hoàng Thị H tại thửa đất số 76a, tờ bản đồ số 16. Địa chỉ: Khu phố Thành Thắng, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Theo hợp đồng thế chấp số 172030225/HĐTC ký ngày 05/5/2015 và phụ lục kèm theo.

(3) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BO 925776 do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 27/8/2013 mang tên Cao Văn Tiêu, Phạm Thị Đốc, tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 07. Địa chỉ: Khu phố Thành Thắng, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Theo hợp đồng thế chấp số 170454547/HĐTC ký ngày 23/4/2015 và phụ lục kèm theo.

(4) Tàu cá vỏ gỗ số hiệu TH – 92928 – TS theo giấy chứng nhận tàu cá số 072/16 số đăng ký: TH – 92928 – TS do Chi cục khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản Thanh Hóa cấp ngày 21/3/2016 mang tên Viên Đình H theo HĐTC tài sản hình thành trong tương lai số 172030270/HĐTC-TSHTTTL ký ngày 01/6/2015, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung HĐTC tài sản hình thành trong tương lai số 172030270/HĐTC-TSHTTTL/PL2021 ký ngày 31/5/2021 và các phụ lục kèm theo.

Ông H, bà L phải mua bảo hiểm thân vỏ hàng năm cho tàu cá vỏ gỗ nêu trên.

Sau ngày 30/9/2022, khi ông H, bà L thanh toán toàn bộ số tiền nợ của 02 HĐTD số 3590 – LAV – 201801671 ngày ngày 06/6/2018; 3590-LAV-202101500 ngày 26/5/2021 như đã cam kết thanh toán vào đợt 1, A có trách nhiệm cho ông H, bà L rút tài sản bảo đảm Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 3590/186/04/2017 ký ngày 17/4/2017 và phụ lục kèm theo; Hợp đồng thế chấp số 172030225/HĐTC ký ngày 05/5/2015 và phụ lục kèm theo; Hợp đồng thế chấp số 170454547/HĐTC ký ngày 23/4/2015 và phụ lục kèm theo.

**3.** Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CB 736391 do UBND thị xã S cấp ngày 24/12/2015 mang tên Viên Đình Huỳnh Đức tại thửa đất số 136c, tờ bản đồ số 12. Địa chỉ: Khu phố Thành Thắng, phường Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa. Theo HĐTC quyền sử dụng đất số 3590/187/04/2017 ký ngày 17/4/2017 và phụ lục kèm theo. (Do nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi đề ngày 24/8/2022).

**4.** Về án phí: Ông Viên Đình H, bà Phạm Thị L phải nộp tiền án phí KDTM sơ thẩm (Sau khi đã được xem xét giảm 50% án phí ) là: 29.488.000đ (Hai chín triệu bốn trăm tám tám nghìn đồng) (Làm tròn số).

Ngân hàng N được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí: 58.750.000đ (Năm mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số AA/2019/0004421 ngày 02/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sầm Sơn.

**5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:**

5.1. Đối với nội dung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại mục 1, mục 2 của quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5.2. Đối với nội dung đình chỉ yêu cầu khởi kiện tại mục 3 của quyết định này đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị nội dung này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**6.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát TP Sầm Sơn;
- THADS TP Sầm Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Hùng**